

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG

Khoa: Khoa học xã hội và nhân văn

Bộ môn: Lý luận Chính trị

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần: TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

Tên học phần:

- Tiếng Việt: **TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH**
- Tiếng Anh: **DETAILED SYLLABUS OF HO CHI MINH IDEOLORY**

- Học phần: POL333 Số tín chỉ: 2
- Đào tạo trình độ: Đại học, cao đẳng
- Học phần tiên quyết: Sinh viên phải học xong học phần Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin

2. Mô tả tóm tắt học phần:

Nội dung của học phần bao gồm 12 chủ đề trình bày những vấn đề cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh theo mục tiêu của học phần và trong mỗi chủ đề sẽ trình bày những nội dung cơ bản theo mục tiêu của từng chủ đề. **1.** Đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn Tư tưởng Hồ Chí Minh. **2.** Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh. **3.** Tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc. **4.** Tư tưởng Hồ Chí Minh về CNXH và con đường quá độ lên CNXH ở Việt Nam. **5.** Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam. **6.** Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc. **7.** Tư tưởng Hồ Chí Minh đoàn kết quốc tế. **8.** Tư tưởng Hồ Chí Minh về dân chủ. **9.** Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng Nhà nước của dân, do dân, vì dân. **10.** Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hoá. **11.** Tư tưởng Hồ Chí Minh đạo đức. **B.** Tư tưởng Hồ Chí Minh và xây dựng con người mới.

3. Mục tiêu:

- Sinh viên có thể trình bày khái niệm tư tưởng Hồ Chí Minh và những tư tưởng, luận điểm, quan điểm cơ bản diễn ra trong tiến trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh;

- Sinh viên có thể phân tích, giải thích về những nội dung tư tưởng, quan điểm cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh. Từ đó sinh viên có niềm tin, trân trọng, gìn giữ và phát huy di sản tư tưởng của Hồ Chí Minh trong hoạt động thực tiễn

- Sinh viên có khả năng vận dụng sáng tạo những giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh trong cuộc sống. Hình thành và phát triển kỹ năng phân tích, tổng hợp, hệ thống hóa những kiến thức đã thu nhận được của người học và vận dụng vào thực tiễn.

4. Kết quả học tập mong đợi (KQHT): Sau khi kết thúc học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh sinh viên có thể:

a. Nâng cao năng lực tư duy lý luận, bồi dưỡng, củng cố cho sinh viên, thanh niên lập trường, quan điểm cách mạng trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh.

b. Nâng cao phẩm chất đạo đức, rèn luyện bản lĩnh chính trị, giúp người học kiên định mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội.

c. Học tập tư tưởng Hồ Chí Minh góp phần giáo dục đạo đức, tư cách, phẩm chất cách mạng. Nhận thức được cơ sở lý luận của Chủ nghĩa Mác - Lênin và sự sáng tạo của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với đường lối cách mạng của Đảng.

d. Có khả năng vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết những vấn đề kinh tế, chính trị, văn hóa xã hội theo quan điểm của Đảng và nhà nước.

5. Nội dung:

STT	Chương/Chủ đề	Nhằm đạt KQHT	Số tiết	
			LT	TH
1	Chủ đề 1			
1.1	Đối tượng và phương pháp nghiên cứu Tư tưởng Hồ Chí Minh	a	1	1
1.2	Ý nghĩa của việc học tập Tư tưởng Hồ Chí Minh			
2	Chủ đề 2		2	1
1.1	Cơ sở hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh.	a		
1.2	Quá trình hình thành và phát triển Tư tưởng Hồ Chí Minh			
1	Chủ đề 3			
1.1	Tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc	b		
1.2	Tư tưởng Hồ Chí Minh về cách mạng giải phóng dân tộc			
1	Chủ đề 4			
1.1	Tư tưởng Hồ Chí Minh về CNXH ở Việt Nam.	b	2	1
1.2	Tư tưởng Hồ Chí Minh về con đường quá độ lên CNXH ở Việt Nam.			

1	Chủ đề 5		2	1
1.1	Quan điểm Hồ Chí Minh về vai trò và bản chất của Đảng CS Việt Nam.	a		
1.2	Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng Đảng Cộng sản Việt Nam trong sạch, vững mạnh			
1	Chủ đề 6		2	1
1.1	Vai trò của đại đoàn kết dân tộc	c		
1.2	Tư tưởng Hồ Chí Minh về lực lượng và tổ chức đoàn kết dân tộc.			
1	Chủ đề 7			
1.1	Vai trò, tầm quan trọng của đoàn kết quốc tế.	d	1	1
1.2	Lực lượng cần đoàn kết và hình thức tổ chức quốc tế			
1	Chủ đề 8			
1.1	Quan niệm của Hồ Chí Minh về dân chủ	d		
1.2	Dân chủ trong các lĩnh vực của đời sống			
1	Chủ đề 9		2	1
1.1	Tư tưởng Hồ Chí Minh về một nhà nước của dân, do dân, vì dân.	d		
1.2	Xây dựng nhà nước có hiệu lực pháp lý mạnh mẽ			
1	Chủ đề 10			
1.1	Khái niệm và quan điểm về xây dựng nền văn hóa mới.	d	2	1
1.2	Quan điểm Hồ Chí Minh về các vấn đề chung của văn hóa			
1.3	Quan điểm của Hồ Chí Minh về một số lĩnh vực chính của văn hóa			
1	Chủ đề 11		2	1
1.1	Tư tưởng của Hồ Chí Minh về đạo đức.	d		
1.2	Quan điểm Hồ Chí Minh về những chuẩn mực đạo đức cách mạng			
1	Chủ đề 12		2	1
1.1	Quan niệm của Hồ Chí Minh về con người.	d		
1.2	Quan điểm của Hồ Chí Minh về vai trò của con người và chiến lược "trồng người"			

6. Tài liệu dạy và học:

TT	Tên tác giả	Tên tài liệu	Năm xuất bản	Nhà xuất bản	Địa chỉ khai thác tài liệu		Mục đích sử dụng	
							Học	Tham khảo
1	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh (dùng trong các trường Đại học, Cao đẳng)	2011		CTQG	Thư viện	×	
2	Hội đồng TW chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các bộ môn khoa học Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh	Giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh	2003		CTQG	Thư viện	×	
3	Ban nghiên cứu LSD Trung ương	Chủ tịch Hồ Chí Minh - Tiểu sử và sự nghiệp	2002		CTQG	Hiệu sách		×
4	Bảo tàng Hồ Chí Minh	Những tên gọi, bí danh, bút danh của Chủ tịch Hồ Chí Minh	2003		CTQG	Thư viện		×
5	Bảo tàng cách mạng Việt Nam	Hồ Chí Minh ở Pháp năm 1946	1995		Hà Nội	Thư viện		×
6	Hoàng Chí Bảo	Tìm hiểu phương pháp Hồ Chí Minh	2002		CTQG	Thư viện		×
7	E. Côtêlep	Đồng chí Hồ Chí Minh	1985		Tiến bộ, Matxcov	Thư viện		×

				a			
8	Võ Nguyên Giáp	Tư tưởng Hồ Chí Minh và con đường cách mạng Việt Nam	1997	CTQG	Thư viện		×
9	PGS, TS Vũ Văn Hiền - TS Đinh Xuân Lý	Tư tưởng Hồ Chí Minh với sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam	2003	CTQG	Hiệu sách		×
10	Hồ Chí Minh	Toàn tập (12 tập)	1997	CTQG	Thư viện		×
11	Hồ Chí Minh	Biên niên tiểu sử	1997	CTQG	Thư viện		×
12	GS, TS Lê Hữu Nghĩa	Tư tưởng triết học Hồ Chí Minh	2000	Lao động	Hiệu sách		×
13	Nguyễn Duy Niên	Tư tưởng ngoại giao Hồ Chí Minh	2002	CTQG	Hiệu sách		×

7. Đánh giá kết quả học tập:

STT	Hình thức đánh giá	Nhằm đạt KQHT	Trọng số (%)
1	Kiểm tra lần 1	Cũng có kiến thức	10
2	Kiểm tra lần 2	Vận dụng kiến thức đã học	10
3	Hoạt động nhóm	Chuẩn bị nội dung được giao, thuyết trình, trả lời câu hỏi chất vấn	10
4	Điểm chuyên cần, thái độ tham gia học trên lớp	Lên lớp đầy đủ, chuẩn bị bài tốt, tích cực thảo luận...	10

5	<i>Điểm đánh giá tự nghiên cứu</i>	<i>Soạn bài đầy đủ những nội dung tự nghiên cứu</i>	10
6	<i>Thi kết thúc học phần</i> - Hình thức thi: <i>Viết tiểu luận</i> - Đề mở: $x\Box$ Đề đóng: \Box	<i>Rèn luyện kỹ năng viết bài</i>	50

NHÓM GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

(Ký và ghi họ tên)

Trần Thị Tân

TRƯỞNG KHOA/VIỆN

(Ký và ghi họ tên)

TRƯỞNG BỘ MÔN

(Ký và ghi họ tên)

GHI CHÚ: Cách trình bày một số nội dung của Đề cương học phần

(Lưu ý: Lược bỏ phần Ghi chú này và các con số chỉ nội dung ghi chú trên các trang 1, 2 trước khi in hoặc công bố)

(1) Lấy từ Chương trình đào tạo (**CHỮ HOA, in đậm**); đối với các HP thực hành độc lập cũng phải có Đề cương học phần riêng.

(2) Lấy từ Chương trình đào tạo.

(3) Ghi theo quy cách TC(LT-TH), trong đó TC = số tín chỉ (toàn bộ) của học phần, LT = số tín chỉ chỉ dành cho hình thức dạy học lý thuyết; TH = số tín chỉ chỉ dành cho hình thức thực hành, thí nghiệm, thực tập. Số tín chỉ gán cho hình thức dạy học lý thuyết và thực hành có thể số lẻ. Ví dụ: 3(3-0); 3(2,5-0,5).

(4) Ghi: Đại học hay Cao đẳng.

(5) Ghi tên các học phần tiên quyết trong chương trình mà sinh viên cần phải tích lũy trước khi học học phần này, nếu không có ghi: Không.

(6) **Mô tả tóm tắt học phần:** nhằm cung cấp một cách khái quát nội dung của học phần, bao gồm các chủ đề chính.

Ví dụ Mô tả tóm tắt của học phần Tin học cơ sở:

Trang bị kiến thức và kỹ năng sử dụng máy tính trong các công việc như soạn thảo văn bản, sử dụng bảng tính điện tử, khai thác và sử dụng Internet, sử dụng các công cụ trình chiếu, khai thác và sử dụng các phần mềm ứng dụng khác; giúp hiểu rõ cách thức hoạt động cơ bản của hệ điều hành Windows.

(7) **Mục tiêu:** cho biết học phần sẽ đóng vai trò như thế nào trong việc giúp sinh viên tích lũy các kiến thức, kỹ năng của ngành, chuyên ngành đào tạo; và nó có vai trò gì trong việc đáp ứng các mục tiêu/chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

Ví dụ Mục tiêu của học phần Tin học cơ sở:

Giúp sinh viên có đủ kiến thức và kỹ năng cần thiết để học các học phần tin học nâng cao và tin học chuyên ngành hoặc các học phần thuộc các chuyên ngành khác có ứng dụng tin học; để sử dụng máy tính và internet phục vụ hiệu quả cho công việc và cuộc sống.

(8) **Kết quả học tập mong đợi:**

1. Khái niệm:

- Kết quả học tập mong đợi (expected learning outcomes) mô tả sinh viên sẽ biết, hiểu và làm được những gì sau khi học xong học phần.

- Kết quả học tập mong đợi có thể là kiến thức, kỹ năng (tư duy, thực hành, chuyên môn cụ thể, mềm), thái độ, ... mà chúng ta muốn sinh viên hình thành, thành thực.

2. Phân biệt giữa Mục tiêu học phần và Kết quả học tập mong đợi:

- Mục tiêu học phần mô tả những gì nhà trường dự định sẽ cung cấp trong học phần, chúng thường rộng hơn Kết quả học tập mong đợi của sinh viên.

- Kết quả học tập mong đợi mô tả chi tiết những gì mà sinh viên có khả năng làm được khi kết thúc học phần.

3. Mục đích của việc xây dựng Kết quả học tập mong đợi:

- Làm cho sinh viên hiểu những gì được mong đợi ở họ.

- Làm cho giảng viên hiểu rõ những gì sinh viên phải học trong học phần.

- Giúp giảng viên lựa chọn phương pháp và hình thức dạy học thích hợp nhất để đạt kết quả học tập dự định, ví dụ như: giảng bài, seminar, hướng dẫn, làm việc nhóm, thảo luận, sinh viên trình bày, làm việc trong phòng thí nghiệm.

- Giúp giảng viên lựa chọn cách đánh giá thích hợp nhất để đánh giá việc đạt được các kết quả học tập, ví dụ như: bằng dự án, tiểu luận, đánh giá hoạt động, câu hỏi nhiều lựa chọn, thi cuối kỳ.

4. Cấu trúc của 1 phát biểu Kết quả học tập mong đợi:

Kết quả học tập mong đợi cần phải có 3 yếu tố cấu thành:

- Làm gì: Mô tả hành động mà sinh viên có khả năng làm được gì sau khi được truyền đạt kiến thức. Để diễn đạt điều này phải dùng các động từ hành động có thể quan sát được hoặc đo lường được.

- Điều kiện: Nêu ra các điều kiện và giới hạn quy định các hành vi sẽ diễn ra.

- Tiêu chuẩn: Sử dụng tiêu chí hay tiêu chuẩn thực hiện đòi hỏi sinh viên phải đạt được ở mức độ nào thì chấp nhận được.

5. Yêu cầu đối với viết Kết quả học tập mong đợi:

- Phải cụ thể, không diễn đạt chung chung. (tránh sử dụng các động từ chung chung như: “biết”, “hiểu”, “để làm quen với”, “nắm vững”, “nắm được”, “nhận thức”, “giác ngộ”,)

- Phải đo lường và đánh giá được.

- Phải đơn giản, dễ hiểu (dùng câu đơn, tránh sử dụng câu phức).

- Phải thể hiện hành động: bắt đầu bằng một động từ hành động, động từ hành động tương ứng với bảng phân loại mục tiêu học tập trong lĩnh vực nhận thức/tư duy của

Bloom (1956) hoặc tương ứng với bảng phân loại mục tiêu học tập trong lĩnh vực tâm vận động của Dave (1970) (nếu học phần có nội dung thực hành (thí nghiệm, thực hành hay thực tập)) hoặc trong lĩnh vực thái độ, tình cảm cũng của Bloom.

- Phù hợp với trình độ đào tạo và mục tiêu học phần.

- Phải viết dưới góc độ của sinh viên chứ không phải dự định dạy học của giảng viên (như khi viết Mục tiêu học phần).

- Kết quả học tập mong đợi thường được trình bày như sau:

Sau khi học xong học phần, sinh viên có thể:
a)
b)
c)
...

6. Phân loại mục tiêu học tập trên Thang Bloom tu chính (Bloom's Revised Taxonomy) trong lĩnh vực nhận thức (cognitive domain)

Cấp độ	Ví dụ & Từ khóa
Nhớ: Có thể nhắc lại các thông tin đã được tiếp nhận trước đó	<u>Ví dụ:</u> Viết lại một công thức, đọc lại một bài thơ, mô tả lại một sự kiện, nhận biết phương án đúng. <u>Từ khóa:</u> Nhắc lại, mô tả, liệt kê, trình bày, chọn lựa, gọi tên, nhận diện
Hiểu: Nắm được ý nghĩa của thông tin, thể hiện qua khả năng diễn giải, suy diễn, liên hệ, khái quát	<u>Ví dụ:</u> Giải thích một định luật, phân biệt cách sử dụng các thiết bị, viết tóm tắt một bài báo, trình bày một quan điểm. <u>Từ khóa:</u> Giải thích, tóm tắt, phân biệt, mở rộng, khái quát hóa, cho ví dụ, nhận định, so sánh, sắp xếp
Vận dụng: Áp dụng thông tin đã biết vào một tình huống, điều kiện mới	<u>Ví dụ:</u> Vận dụng một định luật để giải thích một hiện tượng, áp dụng một công thức để tính toán, thực hiện một thí nghiệm dựa trên qui trình. <u>Từ khóa:</u> Vận dụng, áp dụng, tính toán, chứng minh, giải thích, xây dựng, lập kế hoạch
Phân tích: Chia thông tin thành những phần nhỏ và chỉ ra mối	<u>Ví dụ:</u> Lý giải nguyên nhân thất bại của một doanh nghiệp, hệ thống hóa các văn bản pháp qui, xây

liên hệ của chúng tôi tổng thể	dựng biểu đồ phát triển của một doanh nghiệp. <u>Từ khóa</u> : Phân tích, lý giải, so sánh, lập biểu đồ, phân biệt, minh họa, xây dựng mối liên hệ, hệ thống hóa
Đánh giá : Đưa ra nhận định, phán quyết của bản thân đối với thông tin dựa trên các chuẩn mực, tiêu chí	<u>Ví dụ</u> : Phân biện một nghiên cứu, bài báo; đánh giá khả năng thành công của một giải pháp; chỉ ra các điểm yếu của một lập luận. <u>Từ khóa</u> : Đánh giá, cho ý kiến, bình luận, tổng hợp, so sánh
Sáng tạo : Xác lập thông tin, sự vật mới trên cơ sở những thông tin, sự vật đã có	<u>Ví dụ</u> : Thiết kế một mẫu nhà mới, xây dựng một công thức mới; xây dựng hệ thống các tiêu chí để đánh giá một hoạt động; xây dựng cơ sở lý luận cho một quan điểm; lập kế hoạch tổ chức một sự kiện mới. <u>Từ khóa</u> : Thiết lập, tổng hợp, xây dựng, thiết kế, sáng tác, đề xuất

7. Phân loại mục tiêu học tập của Dave (1970) trong lĩnh vực tâm vận động (psychomotor domain):

- Đây là lĩnh vực liên quan đến sự phối hợp giữa não bộ và các cơ bắp hay liên quan đến các kỹ năng vận động và thao tác của sinh viên.

- Được sử dụng trong một số lĩnh vực giáo dục như: giáo dục thể chất, nghệ thuật, y khoa, giáo dục kỹ thuật (thực hành), khoa học thực nghiệm.

- Trong lĩnh vực tâm vận động (psychomotor domain), Dave cho rằng có 5 cấp độ từ thấp đến cao như sau: bắt chước (imitation), vận dụng/thao tác (manipulation), chính xác/chuẩn hóa (precision), thành thạo/phối hợp (articulation), kỹ xảo/tự động hóa (naturalization). Cụ thể:

+ Bắt chước là sự quan sát hành vi của người khác để làm theo.

+ Vận dụng/thao tác là năng lực thể hiện một hành động cụ thể bằng cách làm theo nội dung bài giảng và các kỹ năng thực hành.

+ Chính xác/chuẩn hóa là năng lực tự thực hiện một nhiệm vụ mà chỉ mắc phải một vài sai sót nhỏ.

+ Thành thạo/phối hợp là năng lực phối hợp một loạt các hành động bằng cách

kết hợp 2 hay nhiều kỹ năng.

+ Kỹ xảo/tự động hóa là năng lực thực hiện theo bản năng (không cần suy nghĩ).

- Các động từ thường dùng: lắp ráp, điều chỉnh, sửa đổi, chuẩn bị, lắp đặt, cân đối, uốn, xây dựng, dàn dựng, phối hợp, cấu trúc, thiết kế, mô phỏng, ném, khám phá, thể hiện, lái, đo, thực hiện, rót, đổ, trình diễn, vận hành, ...

- Các ví dụ:

+ Sử dụng các giao tiếp phi ngôn ngữ thích hợp, như cử chỉ, ánh mắt, tư thế đứng đặc.

+ Tạo ra mô hình tương tác 3-D của sản phẩm và môi trường.

+ Xác định trạng thái ứng suất và biến dạng của kết cấu bằng cách sử dụng các công cụ vật lý và đo đạc thích hợp.

8. Phân loại mục tiêu học tập của Bloom (1956) trong lĩnh vực tình cảm, thái độ (affective domain):

- Miền tình cảm liên quan đến giá trị và thái độ.

- Các cấp độ của miền tình cảm, thái độ:

+ Nhận lấy: sẵn sàng tiếp nhận thông tin,

+ Đáp lại: tham gia tích cực vào việc học tập,

+ Lượng giá: cam kết, trung thành với giá trị,

+ Tổ chức: so sánh, tổng hợp các giá trị,

+ Đặc tính: tích hợp niềm tin, tư tưởng và thái độ.

- Các động từ thường dùng: chấp nhận, phục vụ, cố gắng, ganh đua, thảo luận, luận bàn, chia sẻ, hợp tác, hỗ trợ, tôn trọng, quan hệ ...

- Các ví dụ:

+ Chấp nhận nhu cầu tiêu chuẩn đạo đức chuyên môn.

+ Tôn trọng nhu cầu bảo vệ bí mật trong quan hệ với đối tác kinh doanh.

+ Sẵn sàng phục vụ khách hàng.

+ Thái độ cởi mở, thân tình với khách hàng.

+ Thái độ thiện chí giải quyết mâu thuẫn.

+ Tinh thần hợp tác làm việc nhóm.

+ Tham gia tích cực vào giờ giảng.

(9) Nội dung:

- Căn cứ Mục tiêu học phần và Kết quả học tập mong đợi để hình thành danh mục

chương/chủ đề và nội dung kiến thức cụ thể trong mỗi chương/chủ đề.

- Với mỗi chương/chủ đề cần nêu (các) Kết quả học tập mong đợi (thứ mấy) của học phần mà chương/chủ đề này nhắm đến.

- Với mỗi chương/chủ đề ghi số tiết phân bổ cho 2 hình thức dạy học chủ yếu gồm lên lớp lý thuyết (LT) (bao gồm thuyết giảng/điển giảng/giảng bài, thảo luận, bài tập, kiểm tra ...) và thực hành (TH) (bao gồm thí nghiệm, thực hành, thực tập, đi thực tế, điền dã, ...) theo mẫu dưới đây. Lưu ý 1 tín chỉ lý thuyết = 15 tiết, 1 tín chỉ thực hành = 30 tiết.

Ví dụ:

TT	Chương/Chủ đề	Nhằm đạt KQHT	Số tiết	
			LT	TH
1	Đại cương về khoa học và nghiên cứu khoa học		15	0
1.1	Đại cương về Khoa học	a		
1.2	Đại cương về nghiên cứu khoa học	b		
2	Tư duy logic trong nghiên cứu khoa học – công nghệ		10	0
2.1	Tư duy logic	c		
2.2	Xây dựng khái niệm, thực hành phán đoán, suy luận, luận chứng trong nghiên cứu KHCN	d		
2.3	Quy luật và quy tắc tư duy logic phải tuân thủ trong nghiên cứu KHCN	e		
2.4	Chu trình nhận thức chân lý khách quan – nhận thức chủ đề nghiên cứu KHCN	f		

(10) Tài liệu dạy và học:

- Chỉ đưa vào bảng những tài liệu phục vụ học tập và sinh viên có thể tiếp cận được.
- Nếu là tài liệu internet thì ghi rõ đường dẫn ở cột Địa chỉ khai thác tài liệu.
- Nếu là bài giảng thì ghi “Bài giảng.....” ở cột Tên tài liệu, ghi “Thư viện số ĐHNT” ở cột Địa chỉ khai thác tài liệu nếu bài giảng đã được công bố trên Thư viện số.

(11) Đánh giá kết quả học tập:

- Căn cứ Mục tiêu học phần và Kết quả học tập mong đợi để xây dựng các hình thức kiểm tra, đánh giá phù hợp.
- Các hình thức và số lần kiểm tra, đánh giá thực hiện theo Quy định kiểm tra và thi

kết thúc học phần của Trường.

- Ứng với mỗi hình thức kiểm tra, đánh giá cần nêu (các) kết quả học tập mong đợi của học phần mà hoạt động kiểm tra, đánh giá này nhắm đến. Các hình thức kiểm tra, đánh giá phải bao quát hết toàn bộ Kết quả học tập mong đợi của học phần.

- Tùy vai trò của hình thức kiểm tra, đánh giá đối với việc đạt mục tiêu và kết quả học tập dự kiến của học phần, phân bổ trọng số tương ứng cho phù hợp.

- Trọng số của Chuyên cần/thái độ không vượt quá 10%.

- Trọng số thi kết thúc học phần: Tùy theo loại HP, bộ môn thống nhất theo quy định.

- Ví dụ:

<i>TT</i>	<i>Hình thức đánh giá</i>	<i>Nhằm đạt KQHT</i>	<i>Trọng số (%)</i>
1	Các lần kiểm tra giữa kỳ	a, b, c	10
2	Tiểu luận	a	5
3	Thực hành	b	10
4	Chuyên cần/thái độ	d	5
5	Thi kết thúc học phần	a, b, c, d	70

Lưu ý chung:

- Các học phần Thực hành độc lập cũng phải có Đề cương học phần (ĐCHP) riêng.
- ĐCHP cần được bộ môn thông qua, trưởng khoa/viện phê duyệt (lưu bản cứng tại bộ môn) và đưa file lên trang web bộ môn.
- ĐCHP cần được bộ môn tổ chức rà soát, cập nhật hàng năm.